TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CL** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 01- 2019
V/v tranh chấp HNGĐ
Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Ngọc Minh;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Mai Hương

2. Ông Phạm Phước Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 08 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện CL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 640/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 368/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thanh T,** sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp AB, xã AB, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Nguyễn Văn A,** sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp AB, xã AB, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị Thanh T là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh A chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã AB, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do anh anh A thay đổi tính tình, thường xuyên uống rượu, không chăm lo kinh tế gia đình. Vợ chồng không còn chung sống với nhau đã hơn 01 tháng nhưng không hàn gắn tình cảm.

Nay chị Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn A.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Văn Quý, sinh ngày 14/02/2009, hiện đang sống chung với chị T, anh A. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị T có thay đổi yêu cầu, đồng ý để anh Nguyễn Văn A tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Văn Quý, sinh ngày 14/02/2009. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng bằng số tiền ½ tháng lương cơ sở tương ứng với thời gian thi hành án, thời gian cấp dưỡng được tính bắt đầu từ tháng 01/2019 cho đến khi con Nguyễn Văn Quý trưởng thành đủ 18 tuổi.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Văn A là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh A thừa nhận lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nay anh A nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị T nên anh A không đồng ý ly hôn với chị T, yêu cầu được hàn gắn với vợ để chăm lo cho vợ con. Anh sẽ không đi uống rượu và sẽ cố gắng đi làm kiếm tiền để lo cho gia đình.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Văn Quý, sinh ngày 14/02/2009, hiện đang sống chung với anh A. Khi ly hôn, anh A yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- Giấy CMND Nguyễn Thị Thanh T (bản pho to chứng thực)

- Sổ hộ khẩu (bản photo chứng thực);

- Giấy đăng ký kết hôn (bản pho to chứng thực);

- Giấy khai sinh Nguyễn Văn Quý (bản photo chứng thực);

Các đương sự thống nhất các tài liệu trong hồ sơ là đúng theo biên bản phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 18/12/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Văn A. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con"*.

Anh Nguyễn Văn A là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn A, anh A không đồng ý ly hôn với chị T.

Chị T và anh A có đăng ký kết hôn tại UBND xã AB, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 05/9/2008, do đó hôn nhân giữa chị T và anh A là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, do kinh tế khó khăn, anh A không chăm lo cho gia đình đã làm phát sinh nhiều mâu thuẫn, khiến cho cuộc sống của anh A và chị T thường xuyên phát sinh cãi vả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị T và anh A đã sống xa nhau thời gian dài, chị T hiện sinh sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh còn anh A đang sinh sống tại huyện CL, tỉnh Đồng Tháp dẫn đến khó khăn trong việc hàn gắng tình cảm. Mặc dù anh A không đồng ý ly hôn nhưng không có hành động hay đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm cảm vợ chồng.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị T và anh A đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn A thống nhất thỏa thuận: Anh Nguyễn Văn A được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Văn Quý, sinh ngày 14/02/2009.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng bằng số tiền ½ tháng lương cơ sở tương ứng với thời gian thi hành án, thời gian cấp dưỡng được tính bắt đầu từ tháng 01/2019 cho đến khi con Nguyễn Văn Quý trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị T và anh A tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị T và anh A cùng trình bày không có thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh T.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn A.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn A: Anh Nguyễn Văn A được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Văn Quý, sinh ngày 14/02/2009.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng bằng số tiền ½ tháng lương cơ sở tương ứng với thời gian thi hành án, thời gian cấp dưỡng được tính bắt đầu từ tháng 01/2019 cho đến khi con Nguyễn Văn Quý trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị T và anh A tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị T và anh A cùng trình bày không có thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001129 ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL. Chị Nguyễn Thị Thanh T còn phải nộp thêm 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CL.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)

Võ Thị Ngọc Minh